

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đăng Thiện
- Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh M, sinh năm 1996; số định danh cá nhân: 001196010925; địa chỉ: SN A ngách C, TDP X, phường X, quận B, thành phố Hà Nội; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1991; số định danh cá nhân: 038091003032; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thanh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành C qua việc tìm hiểu, lấy nhau là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương,

đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 05/7/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm, giữa vợ chồng không có được tiếng nói chung trong gia đình; Anh C không tu chí làm ăn, mà chơi bời, vay mượn, cầm cố tài sản, vay tiền trên các ứng dụng vay tiền trực tuyến sau đó không trả được nên chị và gia đình thường xuyên bị đe dọa, khủng bố tinh thần, đời sống cá nhân bị ảnh hưởng nghiêm trọng, khiến chị rất mệt mỏi, hai vợ chồng hay xảy ra tranh cãi; Anh C còn nhiều lần chửi bới, xúc phạm, đe dọa chị, nên chị rất lo lắng và sợ hãi. Gia đình có nhiều lần hàn gắn tình cảm cho vợ chồng, nhưng không có kết quả. Từ tháng 6/2022 chị và con về sống với bố mẹ đẻ chị, nên vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh M xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đăng N, sinh ngày 03/02/2020; con đã ở với chị từ tháng 6/2022, tuy nhiên từ tết nguyên đán 2025 gia đình anh C đón về chơi và giữ lại, không cho chị đón. Quan điểm của chị M là từ khi vợ chồng chị ly thân thì anh C không chu cấp cho con, một mình chị nuôi con; con ở với chị được phát triển khỏe mạnh, thông minh, hoạt bát; được tham gia đầy đủ các lớp học năng khiếu, thể chất, lớp học Tiếng Anh do người nước ngoài giảng dạy; bên cạnh đó chị có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ trong việc trông nom chăm sóc con. Ly hôn, nguyện vọng của chị M là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Chị M yêu cầu anh C phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi con trưởng thành. Tại phiên tòa chị M trình bày hiện tại chị đang đi làm giúp việc gia đình, có thu nhập ổn định, từ 7-8 triệu/tháng.

Về tài sản và công nợ: Chị Phạm Thị Thanh M xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận phân chia, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Thành C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác nhận việc anh và chị M có quan hệ vợ chồng, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 05/7/2019. Anh C cho rằng trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có những bất đồng trong sinh hoạt, nên chị M đã tự ý bế con về nhà ngoại ở từ tháng 06/2022 đến nay. Anh đã rất cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng để con có bố, có mẹ nhưng không được. Quá trình giải quyết vụ án, quan điểm anh C là anh đồng ý ly hôn, nếu chị M đồng ý để anh được quyền nuôi con; Tại phiên tòa hôm nay, anh C có ý kiến thể hiện quan điểm là đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đăng N, sinh ngày 03/02/2020. Con có ở với chị mai từ tháng 6/2022, đến trước tết nguyên đán 2025 thì gia đình anh đón con về ăn tết và ở với anh cho đến nay. Quan điểm anh C là điều kiện chăm sóc con của gia đình chị M không tốt và không đầy đủ, công việc của chị M thì không ổn định. Còn điều kiện của anh thì hiện nay anh có chỗ ở ổn định, công việc của anh cũng ổn định nên có điều kiện chăm sóc con tốt hơn chị M. Ly hôn, nguyện vọng của anh C là xin được trực tiếp

nuôi con và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng. Tại phiên tòa anh C trình bày hiện tại anh đang đi làm Công ty, có thu nhập ổn định, từ 6-7 triệu/tháng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi con tốt.

Về tài sản và công nợ: Anh C xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 21/02/2025, đại diện UBND xã T cho biết:

Chị Phạm Thị Thanh M và anh Nguyễn Thành C có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2019, ngày 05/7/2019. Quá trình chung sống vợ chồng chị M và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đăng N, sinh ngày 03/2/2020. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; Bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện **Viện kiểm sát đề nghị:**

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hôn nhân gia đình” và thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Về hôn nhân:* Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thanh M và anh Nguyễn Thành C.

- *Về con chung:* Căn cứ Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đăng N, sinh ngày 03/2/2020 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng và được quyền thăm nom con chung, không được ai cản trở.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Không yêu cầu xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX buộc nguyên đơn

chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, bị đơn anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000 đồng.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thanh M khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Thành C, cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh M và anh Nguyễn Thành C tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/7/2019, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau, thì giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, bất đồng về quan điểm sống, nên đã thường xuyên xảy ra việc cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị Mai một M1 đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; Tại phiên tòa hôm nay, anh C có ý kiến thể hiện quan điểm là đồng ý ly hôn. Do đó, cần căn cứ vào quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M và anh C.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh M và anh Nguyễn Thành C có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đăng N, sinh ngày 03/2/2020.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị M và anh C, thấy rằng: Con chung là cháu N đã hơn 5 tuổi, nhưng đang ở độ tuổi dưới 7 tuổi, nên Tòa án không ghi nhận nguyện vọng của con. Chị M và anh C đã sống ly thân từ tháng 6/2022, khi vợ chồng sống ly thân thì cháu N ở với chị M và ông bà ngoại tại phường X, quận B, thành phố Hà Nội, đã được chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, được cho đi học Mẫu giáo và tham gia đầy đủ các lớp học văn hóa, năng khiếu, thể chất (có xác nhận của Hiệu trưởng **Cơ sở giáo dục Mầm non B**); Anh C chỉ trực tiếp nuôi con từ tết nguyên đán 2025 (tháng 01/2025), tức là thời điểm sau khi chị M đã có đơn khởi kiện ra tòa xin ly hôn và xin được quyền nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, chị M cũng đã chứng minh được các điều kiện để trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; hơn nữa việc con đang còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ nhiều hơn. Do đó, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, quy định: “*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng*

cho con”. Tại phiên tòa hôm nay, Chị M yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Anh C có lời khai, xác nhận anh C có thu nhập ổn định, mỗi tháng từ 6-7 triệu đồng. Vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị M, buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Phạm Thị Thanh M và anh Nguyễn Thành C đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh M tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Thành C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. *Về hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thanh M và anh Nguyễn Thành C.

2. *Về con chung:* Chị Phạm Thị Thanh M và anh Nguyễn Thành C có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc Đăng N, sinh ngày 03/2/2020.

Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đăng N cho chị Phạm Thị Thanh M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Thành C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2025 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Thành C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Phạm Thị Thanh M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị M đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002765 ngày 07/10/2024 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Phạm Thị Thanh M đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Thành C phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Tây Hồ, huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến